

Bản án số: 115/2023/HSST
Ngày: 31 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tạ Thị Nành

2. Bà Cao Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn C**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 20/3/1994, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Bản K, xã P, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 05/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn S; Con bà: Lò Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lò Văn Q**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 15/6/1988, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Bản K, xã P, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn M; Con bà: Quảng Thị I; Vợ: Lò Thị H, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền

án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10/02/2023, bị cáo Lò Văn C và bị cáo Lò Văn Q rủ nhau đi bộ đến bản P, xã P, huyện Đ mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Đến đầu bản C có 100.000đ, Q đưa cho C 150.000đ để nhờ C vào bản P mua ma túy. Q đứng ở đầu bản chờ. C đi vào bản gặp một người đàn ông dân tộc Mông, không quen biết mua được 01 cục ma túy được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng với giá 250.000 đồng rồi quay ra chỗ Q đứng chờ, cả hai đi vào bìa rừng gần đó sử dụng số ma túy vừa mua. Trên đường đi tìm chỗ sử dụng ma túy, bị cáo C dùng móng tay chia cục ma túy thành 02 cục nhỏ và xé mảnh nilon vỏ gói thành 02 mảnh rồi cho 02 cục ma túy vừa chia vào 02 mảnh nilon gói lại thành 02 gói. Đến bìa rừng C đưa cho Q 01 gói, cả hai dùng móng tay cạy một phần ma túy trong gói của mình, dùng bật lửa của Q và giấy bạc mang theo sử dụng ma túy bằng hình thức đối, hít. Sau khi sử dụng xong, C và Q dùng bật lửa đốt hàn kín gói ma túy của mình lại, vứt giấy bạc và bật lửa đi. Sau đó các bị cáo cầm gói ma túy trên tay của mình và đi bộ về nhà. Khi cả hai đi bộ về đến bản Nghịu, xã P, thành phố Đ thì bị tổ công tác Công an thành phố Đ phát hiện, bắt quả tang thu giữ 02 gói ma túy trong lòng bàn tay trái của các bị cáo.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 22 giờ 00 phút, ngày 10/02/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 297/KL-KTHS ngày 16/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Lò Văn C là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,45 gam. Mẫu cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Lò Văn Q là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,33 gam.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS-TPĐBP ngày 09/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố các bị cáo Lò Văn C, Lò Văn Q về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên Q định truy tố các bị cáo Lò Văn C, Lò Văn Q về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị H đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn C từ 17 tháng đến 20 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn Q từ 14 tháng đến 17 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,7 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu

trắng; Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lò Văn C, Lò Văn Q không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị H đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 10/02/2023, tại bản Nghị, xã P, thành phố Đ, bị cáo Lò Văn C có hành vi cất giấu trái phép 0,45 gam Heroine, Lò Văn Q đã có hành vi cất giấu trái phép 0,33 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 10/02/2023, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 22 giờ 00 phút, ngày 10/02/2023, kết luận giám định số 297/KL-KTHS ngày 16/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của các bị cáo Lò Văn C, Lò Văn Q là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, Lò Văn C, Lò Văn Q phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã H, gây mất trật tự trị an, an toàn xã H. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã H một thời gian, để các bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã H.

Trong quá trình cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo C và Q khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò trách nhiệm cụ thể nên các bị cáo phạm tội không có tổ chức. Bị cáo C là người khởi sự và là người trực tiếp đi mua ma túy, nên là người thực hành và có vai trò chính. Bị cáo Q nhờ bị cáo C mua hộ được gói ma túy có khối lượng là 0,33 gam, nên phải chịu trách nhiệm

hình sự với khối lượng ma túy này. Bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng ma túy là 0,78 gam (Gồm số ma túy đã mua cho bản thân mình là 0,45 gam và mua hộ cho bị cáo Q là 0,33 gam).

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố các bị cáo Lò Văn C, Lò Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp, nên H đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, Q định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. H đồng xét xử Q định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho C, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên H đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,7gam Heroine (Gồm 01 gói 0,28 gam Heroine và 1 gói 0,42 gam Heroine), (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm tàng trữ, 02 mảnh nilon màu trắng, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58/BLHS.

- Tuyên bố các bị cáo Lò Văn C, Lò Văn Q đều phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn C 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (10/02/2023).

- Xử phạt bị cáo Lò Văn Q 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (10/02/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,7 gam Heroine (Gồm 01 gói 0,28 gam Heroine và 1 gói 0,42 gam Heroine), (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu trắng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2023 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo được miễn áp phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/5/2023).

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành